

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 396, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 150/2022/HNST ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

- Bà Ngô Thị Ngọc B1 – sinh năm 1991

Địa chỉ: 203/7 H1, Phường X, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh

- Ông Lê Anh T1 – sinh năm 1982

Địa chỉ : 459 V1, phường P1, quận T2, Tp.Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 có một con chung tên Lê Ngọc Anh T3, sinh ngày 16/12/2008. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận ông Lê Anh T1 là người trực tiếp nuôi con chung và bà Ngô Thị Ngọc B1 không cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà B1 và ông T1 phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 cùng xác nhận không có.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 đã nộp theo biên lai số AA/2021/0035070 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2010, quyền số 01/P13 ngày 04/02/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Lê Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Anh T3, sinh ngày 16/12/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Ngô Thị Ngọc B1 do ông Lê Anh T1 không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà Ngô Thị Ngọc B1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 đã nộp theo biên lai số

AA/2021/0035070 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Ngọc B1 và ông Lê Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;(Thành)

THẨM PHÁN

Trần Hương Giang